

ĐÁNH GIÁ KIẾN THỨC, THÁI ĐỘ VÀ THỰC HÀNH VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM CỦA NGƯỜI BÁN THỦY SẢN TẠI CÁC CHỢ Ở NGHỆ AN

ASSESSMENT OF THE KNOWLEDGE, ATTITUDE AND PRACTICES OF AQUATIC PRODUCT SELLERS AT THE MARKETS IN NGHE AN PROVINCE

Nguyễn Thuần Anh

Trường Đại học Nha Trang

Email: anhnt@ntu.edu.vn

Ngày nhận bài: 25/10/2023; Ngày phản biện thông qua: 04/03/2024; Ngày duyệt đăng: 25/09/2024

TÓM TẮT

Trong nghiên cứu này, 384 người bán thủy sản tại các chợ tại Nghệ An đã được phỏng vấn bằng phương pháp trực tiếp có sử dụng bảng câu hỏi thiết kế sẵn. Kết quả điều tra cho thấy: người bán thủy sản ở chợ đa phần là nữ (89,1%), chủ yếu ở độ tuổi lao động (18-40 tuổi). Ở chợ, người làm việc trên 5 năm chiếm tỷ lệ cao nhất (57,3%). Trình độ học vấn của người lao động chủ yếu là tiểu học và trung học cơ sở (78,1%). Nguồn thông tin về an toàn thực phẩm được người lao động tiếp cận nhiều nhất và hiệu quả nhất là tivi (52,1% và 52,6%). 74,9% người lao động đạt yêu cầu kiến thức, 70,1% người lao động đạt yêu cầu thái độ đối với vấn đề ATTP và 74,8% người lao động đạt yêu cầu thực hành ATTP. Có mối liên quan thuận chiều giữa điểm số về kiến thức, thái độ và thực hành an toàn thực phẩm thủy sản. Những người có điểm kiến thức cao thì có điểm thái độ và thực hành cao ($p < 0,05$). Vì vậy, cần tăng cường công tác giáo dục và truyền thông nhằm thay đổi kỹ năng, thái độ về an toàn thực phẩm cho những đối tượng này để thay đổi thái độ và hành vi của họ từ đó nâng cao hiệu quả quản lý an toàn thực phẩm thủy sản ở Nghệ An.

Từ khóa: Kiến thức, kỹ năng, thái độ, người bán thủy sản, Nghệ An

ABSTRACT

In this study, 384 aquatic product sellers at the fish markets in Nghe An province were interviewed by the direct interview method with a previously designed questionnaire. The results of the survey showed that: in the fish markets the majority of the aquatic product sellers was female (89,1%), mainly in the working age (18-40 years old). The rate of the aquatic product sellers having seniority over 5 years were the highest (57,3%). The educational level attained by the majority of the aquatic product sellers was primary and secondary. Television was the most efficient information source (52,6%) on food safety and was approached by many aquatic product sellers (52,1%). 74,9% aquatic product sellers met requirements on the aquatic product safety knowledge, 70,1% of the aquatic product sellers met requirements on the aquatic product safety attitude and 74,8% aquatic product sellers met requirements on the aquatic product safety practice. There was a positive correlation between knowledge, attitude and practice on the aquatic product safety. The aquatic product sellers had high knowledge points; they would also have high attitude points and high practice points ($p < 0,05$). Therefore, it is necessary to enhance the media and education about aquatic product safety for these employees in order to change their attitude and practice to raise the efficiency of aquatic product safety management in Nghe An.

Key words: knowledge, attitude, practice, aquatic product sellers, Nghe An.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Nghệ An là tỉnh ven biển Nam Trung Bộ, với chiều dài bờ biển trên 82 km, tài nguyên thủy hải sản rất dồi dào. Thủy sản được bày bán rộng rãi và phổ biến ở các chợ trên địa bàn tỉnh Nghệ An. Tuy nhiên, thực trạng về an toàn thực phẩm (ATTP) thủy sản ở Nghệ An nói riêng và ở Việt Nam nói chung còn nhiều bất cập. Sự vi

phạm các quy định về ATTP thủy sản vẫn đang diễn ra trong các mắt xích của chuỗi cung ứng thủy sản. Do đó, ATTP thủy sản đã trở thành vấn đề cần được quan tâm nghiên cứu. Kiến thức, thái độ và thực hành ATTP của người bán thủy sản là yếu tố quan trọng quyết định đến việc đảm bảo ATTP thủy sản và là một trong những hướng nghiên cứu được các nhà nghiên

cứu quan tâm.

Đã có nhiều nghiên cứu về kiến thức, thái độ và thực hành ATTP của người tham gia cung ứng thực phẩm nói chung và thủy sản nói riêng ở trên thế giới [17, 18,19, 20, 13, 16, 14] và ở Việt Nam (Hà Tây, Hà Nội, An Giang, Thừa Thiên Huế, Vĩnh Long, Quảng Ngãi, Hải Phòng, Phú Yên, Phan Rang – Tháp Chàm, Quảng Bình, Kon Tum, Thái Nguyên, Hà Giang, Hà Tĩnh, Khánh Hòa) [1, 2, 3, 4, 5, 8, 9, 10, 11, 12] nhưng chưa có nghiên cứu nào về kiến thức, thái độ và thực hành ATTP của những người tham gia cung ứng thủy sản ở Nghệ An.

Vì vậy, việc thực hiện nghiên cứu đánh giá kiến thức, thái độ và thực hành về an toàn thực phẩm thủy sản của người bán thủy sản tại các chợ ở Nghệ An là cần thiết. Ý nghĩa thực tiễn của nghiên cứu này là cung cấp các thông tin về kiến thức, thái độ và thực hành về an toàn thực phẩm thủy sản của người tham gia cung ứng thủy sản để làm cơ sở đề xuất các giải pháp đảm bảo an toàn thực phẩm. Bên cạnh đó, nghiên cứu này có ý nghĩa khoa học trong việc cung cấp thông tin khoa học về mối tương quan

giữa kiến thức, thái độ và thực hành ATTP để thực hiện quản lý nguy cơ từ đó đảm bảo ATTP.

II. ĐỐI TƯỢNG, VẬT LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Đối tượng nghiên cứu: người bán thủy sản ở 100 chợ tại các huyện, thị xã, thành phố của tỉnh Nghệ An

Xác định cỡ mẫu: Do tổng thể không xác định được nên cỡ mẫu đã được tính toán theo công thức Cochran như sau [15]: $n = p \cdot q \cdot Z^2 / e^2 = 0,5 \cdot 0,5 \cdot 1,96^2 / 0,05^2 = 384$ (người bán thủy sản) (với e: độ chính xác mong muốn ($\pm 5\%$); Z: nếu độ tin cậy là 95% thì giá trị Z là 1,96; p: tỷ lệ ước lượng 1 phân bố được hiện diện trong quần thể (Có một quần thể lớn nhưng ta không biết được sự biến động trong tổng thể này, p được chọn là 0,5); $q = 1 - p$).

Quy mô khu vực bán thủy sản tại 100 chợ thuộc tỉnh Nghệ An là xấp xỉ nhau nên để thuận tiện sẽ thực hiện chọn ngẫu nhiên 4 người/chợ sao cho có được 384 người để phỏng vấn điều tra, đánh giá kiến thức, thái độ và thực hành về ATTP thủy sản. Cụ thể, kích thước đối tượng cần điều tra theo số lượng chợ trên các đơn vị hành chính của tỉnh Nghệ An được thể hiện ở Bảng 1.

Bảng 1. Bảng số lượng đối tượng cần điều tra tại các chợ ở Nghệ An

STT	Thành phố, Huyện, Thị Xã của tỉnh Nghệ An	Số lượng chợ	Số người bán thủy sản cần khảo sát
1	Thành Phố Vinh	16	64
2	Thị xã Thái Hòa	2	8
3	Thị xã Cửa Lò	6	24
4	Huyện Anh Sơn	4	16
5	Huyện Diễn Châu	10	40
6	Huyện Quỳnh Lưu	8	32
7	Huyện Con Cuông	2	8
8	Huyện Hưng Nguyên	8	32
9	Huyện Nghi Lộc	6	24
10	Huyện Quế Phong	2	6
11	Huyện Quỳnh Hợp	2	6
12	Huyện Thanh Chương	6	24
13	Huyện Yên Thành	6	18
14	Huyện Nam Đàn	9	36
15	Huyện Đô Lương	4	16
16	Huyện Kỳ Sơn	1	4

17	Huyện Nghĩa Đàn	2	6
18	Huyện Quỳnh Châu	2	6
19	Huyện Tân Kỳ	2	6
20	Huyện Tương Dương	1	4
21	Thị xã Hoàng Mai	1	4
	TỔNG CỘNG	100	384

Phương pháp nghiên cứu: Sử dụng phương pháp phỏng vấn trực tiếp kết hợp với quan sát đánh giá thực tế có sử dụng bảng câu hỏi được thiết kế sẵn để đánh giá kiến thức, kỹ năng và thái độ về an toàn thực phẩm của người bán thủy sản ở các chợ ở Nghệ An. Bảng câu hỏi gồm: các câu hỏi về thông tin cá nhân và các câu hỏi kiến thức, thái độ, thực hành liên quan đến an toàn thực phẩm thủy sản. Bảng câu hỏi được xây dựng và hoàn thiện sau các đợt đánh giá thí điểm.

Xử lý kết quả: Phần thông tin cá nhân của các đối tượng được thống kê theo tỷ lệ % số người bán cá. Phần thông tin về kiến thức, thái độ, thực hành liên quan đến ATTP được quy đổi thành điểm số.

Phần kiến thức (những hiểu biết của người bán thủy sản về đảm bảo ATTP) có 17 câu hỏi, tối đa 17 điểm. Nếu câu trả lời: đúng = 1 điểm; sai hoặc không biết = 0 điểm. Câu có dấu* nếu trả lời: đúng hoặc không biết = 0 điểm; sai = 1 điểm.

Phần thái độ (cách nhìn nhận, cách đánh giá

của người bán thủy sản về đảm bảo ATTP) có 15 câu hỏi, tối đa 30 điểm. Nếu câu trả lời: Rất cần = 2 điểm; cần = 1 điểm; không cần = 0 điểm.

Phần thực hành (việc làm của người bán thủy sản để đảm bảo ATTP) có 17 câu hỏi, tối đa 34 điểm. Nếu câu trả lời: Thường xuyên = 2 điểm; thỉnh thoảng = 1 điểm; chưa từng = 0 điểm. Câu có dấu * nếu trả lời: Thường xuyên = 0 điểm; thỉnh thoảng = 1 điểm; chưa từng = 2 điểm.

Kết quả được xử lý bằng phần mềm SPSS 22. Phân tích tương quan Pearson giữa điểm kiến thức, thái độ và thực hành. Điểm kiến thức, thái độ, thực hành $\geq 50\%$ tổng số điểm tối đa thì được coi là đạt yêu cầu.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

1. Thông tin cá nhân của đối tượng

Kết quả điều tra về tuổi, giới tính, thâm niên và trình độ học vấn của những người bán thủy sản tại các chợ ở Nghệ An được thể hiện ở Bảng 2

Bảng 2. Thông tin cá nhân của người bán thủy sản ở Nghệ An

Thông tin về đối tượng	Giới tính		Tuổi			Thâm niên			Học vấn		
	Nam	Nữ	<18 tuổi	18- 40 tuổi	>40 tuổi	<1 năm	1-5 năm	>5 năm	Không biết chữ	Tiểu học và trung học cơ sở	Trung học phổ thông trở lên
Số lượng người bán thủy sản tại các chợ ở Nghệ An	42	342	6	210	168	20	144	220	14	300	70
Tỷ lệ (%) người bán thủy sản tại các chợ ở Nghệ An	10,9	89,1	1,6	54,7	43,8	5,2	37,5	57,3	3,6	78,1	18,2

Từ kết quả ở Bảng 2 cho thấy, người bán thủy sản được phỏng vấn thì nữ chiếm đa số (89,1%) và nam chỉ chiếm 10,9%. Có thể do đặc thù công việc của những người bán thủy sản ở chợ cần sự khéo léo và nhanh nhẹn về kỹ năng sơ chế/xử lý nguyên liệu thủy sản nên đa số người bán thủy sản là nữ. Độ tuổi lao động của người bán thủy sản ở chợ chủ yếu là 18- 40 tuổi (chiếm 54,7%), tiếp theo là trên 40 tuổi (43,8%) và 1,6% là dưới 18 tuổi. Tỷ lệ người bán thủy sản được phỏng vấn có thâm niên làm việc trên 5 năm chiếm 57,3%. Trình độ học vấn của người bán thủy sản tương đối thấp, phần lớn là trình độ tiểu học và trung học cơ sở (78,1%), vẫn có những đối tượng không biết chữ (3,6%) và chỉ có 18,2% người bán thủy sản được phỏng vấn có trình độ trung học phổ thông trở lên. Trình độ học vấn thấp sẽ làm khả năng tiếp nhận kiến thức bị hạn chế, không có

những hiểu biết sâu hơn về tác hại của các mối nguy đối với sức khỏe của người tiêu dùng, sẽ ảnh hưởng rất nhiều đến kiến thức của người bán thủy sản về vấn đề ATTP; từ đó họ không có ý thức tốt trong việc đảm bảo ATTP. Do vậy, khi biên soạn tài liệu và xây dựng chương trình đào tạo nhằm nâng cao kiến thức, thái độ và thực hành ATTP cho người bán thủy sản cần dựa vào trình độ văn hóa của họ để có chương trình phù hợp nhất.

Đa phần người bán thủy sản được phỏng vấn tại các chợ ở Nghệ An làm việc chính thức chiếm 80,9% và 19,1% người làm việc tạm thời.

2. Sự tiếp cận nguồn thông tin ATTP

Kết quả điều tra về nguồn cung cấp thông tin ATTP thủy sản và hiệu quả của việc cung cấp thông tin ATTP của các nguồn thông tin này được trình bày ở Bảng 3.

Bảng 3. Nguồn cung cấp thông tin ATTP thủy sản và hiệu quả của việc cung cấp thông tin ATTP của các nguồn thông tin

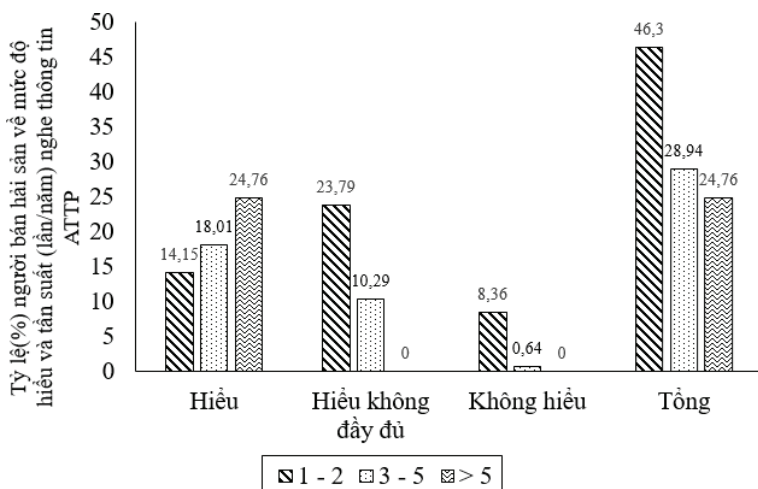
Nguồn thông tin	Nguồn thông tin ATTP và thủy sản an toàn được tiếp cận nhiều nhất		Nguồn thông tin ATTP và thủy sản an toàn được đánh giá là hiệu quả nhất	
	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
Ti vi	200	52,1	202	52,6
Đài	20	5,2	22	5,7
Báo	18	4,7	16	4,2
Tờ rơi	-	-	-	-
Loa truyền thanh	1	0,3	0	0
Ban quản lý	19	4,9	18	4,7
Bạn bè	42	10,9	42	10,9
Các đoàn kiểm tra	73	19	73	19
Tập huấn	1	0,3	1	0,3
Khác	10	2,6	10	2,6
Tổng	384	100	384	100

Kết quả trình bày ở Bảng 3 cho thấy trong số các nguồn cung cấp thông tin về ATTP thì tivi là nguồn thông tin mà nhiều người tiếp cận (52,1%) và mang lại hiệu quả nhất (52,6%). Các nguồn cung cấp thông tin ATTP còn lại (như đài phát thanh, báo, loa truyền thanh, bạn bè, các đoàn kiểm tra) có lượng người tiếp cận

thông tin ít và hiệu quả không cao.

Tần xuất tiếp cận và mức độ hiểu các thông tin an toàn thực phẩm (ATTP) của người bán thủy sản tại các chợ cá ở Nghệ An được trình bày ở Hình 1.

Kết quả ở Hình 1 cho thấy có 46,3% người bán thủy sản được phỏng vấn trả lời là hiểu



Hình 1. Tần suất tiếp cận nguồn thông tin ATTP và mức độ hiểu các thông tin ATTP.

nội dung các thông tin về ATTP, chủ yếu là ở những người bán thủy sản có tần suất nghe trên 3 lần/năm (chiếm 23,79%); có đến 28,94% người bán thủy sản hiểu không đầy đủ nội dung các thông tin về ATTP, tập trung ở những người bán thủy sản có tần suất nghe 1÷2 lần/năm (18%) và có 24,76% người bán thủy sản không hiểu nội dung các thông tin về ATTP.

3. Kiến thức, thái độ, thực hành ATTP của người bán thủy sản ở các chợ tại Nghệ An

Kết quả điều tra kiến thức, thái độ, thực hành về an toàn thực phẩm của người bán thủy sản ở các chợ ở Nghệ An được trình bày ở Bảng 4.

Bảng 4. Kết quả điều tra kiến thức, thái độ và thực hành về an toàn thực phẩm của người bán thủy sản ở các chợ ở Nghệ An

Các vấn đề	Kiến thức				Thái độ				Thực hành			
	Điểm tối đa theo phiếu khảo sát	Điểm trung bình đạt được	Độ lệch chuẩn	Đạt yêu cầu (%)	Điểm tối đa theo phiếu khảo sát	Điểm trung bình đạt được	Độ lệch chuẩn	Đạt yêu cầu (%)	Điểm tối đa theo phiếu khảo sát	Điểm trung bình đạt được	Độ lệch chuẩn	Đạt yêu cầu (%)
Các vấn đề chung về ATTP thủy sản	2	1,7	0,3	99,5	4	2,4	0,6	98,5	4	3,4	0,6	96,2
Sức khỏe và vệ sinh cá nhân	4	2,9	1,6	79,2	8	2,6	1,2	20,3	8	3,2	1,7	40,1
Mối nguy vi sinh vật	5	2,6	1,7	40,4	10	5,7	1,8	65,6	14	7,4	3,5	64,7

Các vấn đề	Kiến thức				Thái độ				Thực hành			
	Điểm tối đa theo phiếu khảo sát	Điểm trung bình đạt được	Độ lệch chuẩn	Đạt yêu cầu (%)	Điểm tối đa theo phiếu khảo sát	Điểm trung bình đạt được	Độ lệch chuẩn	Đạt yêu cầu (%)	Điểm tối đa theo phiếu khảo sát	Điểm trung bình đạt được	Độ lệch chuẩn	Đạt yêu cầu (%)
Mối nguy hóa chất dùng trong bảo quản thủy sản	5	3,7	1,5	80,5	8	4,3	1,7	96,1	8	7,7	2,6	98,1
Tổng hợp các vấn đề	16	10,9	3,4	74,9	30	15	3,1	70,1	34	21,7	5,8	74,8

Kết quả ở Bảng 4 cho thấy tỷ lệ người bán thủy sản có kiến thức, thái độ và thực hành ATTP đạt yêu cầu ($\geq 50\%$ điểm tối đa) lần lượt là 74,9%, 70,1,3% và 74,8% với điểm trung bình kiến thức, thái độ và thực hành ATTP thủy sản lần lượt là 10,9 trên 16 điểm tối đa; 15 điểm trên 30 điểm tối đa và 21,7 điểm trên 34 điểm tối đa. Đa số người bán thủy sản cho biết họ có biết một số quy định liên quan đến ATTP và buộc thực hiện theo qui định nhưng không thấy tự nguyện và thoải mái khi thực

hiện (thái độ đối với vấn đề ATTP còn mang tính đối phó). Vì vậy, cần nâng cao ý thức và thái độ thực hiện đúng các qui định liên quan đến ATTP thủy sản.

4. Kiến thức, thái độ và thực hành theo tần suất tiếp cận thông tin về ATTP của người bán thủy sản ở các chợ tại Nghệ An

Kết quả điều tra kiến thức, thái độ và thực hành ATTP thủy sản theo tần suất tiếp cận thông tin của người bán thủy sản tại các chợ ở Nghệ An được trình bày ở Bảng 5.

Bảng 5. Kiến thức, thái độ, thực hành và mức độ hiểu thông tin ATTP của người bán thủy sản theo tần suất tiếp cận

		Tần suất tiếp cận thông tin về ATTP		
		1÷2 lần/năm	3÷5 lần/năm	Trên 5 lần/năm
Tivi (n=193)	Tỷ lệ đạt yêu cầu về:			
	- Kiến thức	78,3%	83,1%	90,3%
	- Thái độ	42,4%	42,0%	60,3%
	- Thực hành	82,1%	92,2%	93,1%
	Mức độ hiểu thông tin ATTP			
	- Hiểu đầy đủ các thông tin	33,7%	37,3%	51,3%
	- Hiểu không đầy đủ	64,4%	63,3%	43,6%
	- Không hiểu	5,3%	1%	1,6%
	Tỷ lệ đạt yêu cầu về:			
	- Kiến thức	20,5%	14,2%	26,6%
- Thái độ	33,1%	13,1%	31,8%	
- Thực hành	32,4%	13,2%	26,3%	

Đài phát thanh (n=22)	Mức độ hiểu thông tin ATTP			
	- Hiểu đầy đủ các thông tin	31,3%	21%	50%
	- Hiểu không đầy đủ	63,2%	74%	50%
	- Không hiểu	-	-	-
	Tỷ lệ đạt yêu cầu về:			
	- Kiến thức	15,7%	25,7%	23,3%
	- Thái độ	24,4%	37,4%	33,4%
	- Thực hành	13,4%	27,2%	32,1%

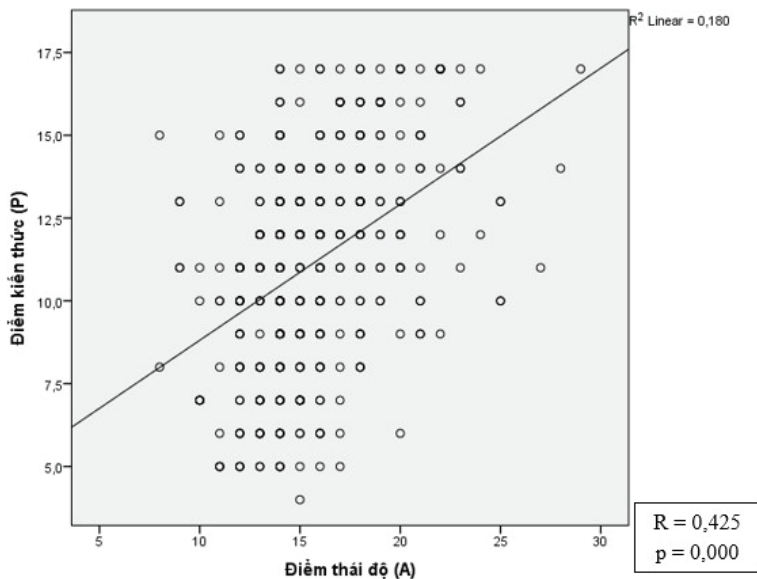
Kết quả trình bày ở Bảng 5 cho thấy mức độ hiểu thông tin về ATTP và tỷ lệ đối tượng đạt yêu cầu về kiến thức, thái độ và thực hành về ATTP thủy sản ở nhóm tiếp cận với thông tin trên 5 lần/năm là cao nhất. Điều đó chứng tỏ cần tăng cường truyền thông, giáo dục các kiến thức liên quan đến ATTP. Tuy nhiên, khi được tiếp cận thông tin về ATTP qua tivi 3-5 lần/năm thì lại có tỷ lệ đạt yêu cầu về kiến thức, thái độ và thực hành ATTP thấp hơn khi được tiếp cận 1-2 lần/năm và trên 5 lần/năm. Nguyên nhân có thể do nội dung của các thông tin ATTP được phát trên tivi có nội dung chưa phong phú, chưa dễ hiểu... Vì vậy cần chú ý đến việc làm đơn giản hóa thông tin, tập trung tạo nên sự phong phú cho thông tin để tránh sự nhàm chán làm giảm hiệu quả và chất lượng truyền thông tin. Mặt khác, số liệu ở Bảng 3 cho thấy số người tiếp cận thông tin về ATTP từ đài và đánh giá đài là nguồn thông tin hiệu quả

ít hơn nhiều so với từ tivi, nhưng tỷ lệ đạt yêu cầu về kiến thức, thái độ và thực hành ATTP của những người nhận thông tin về ATTP từ đài cũng tương tự như từ tivi. Vậy nên, nội dung các thông tin về ATTP được cung cấp từ tivi và đài cần được quan tâm để tạo nên hiệu quả thực sự cho việc truyền thông. Nhiều nghiên cứu cũng cho thấy sự thay đổi về kiến thức đã đạt được sau các giải pháp can thiệp truyền thông có hiệu quả [6], [7].

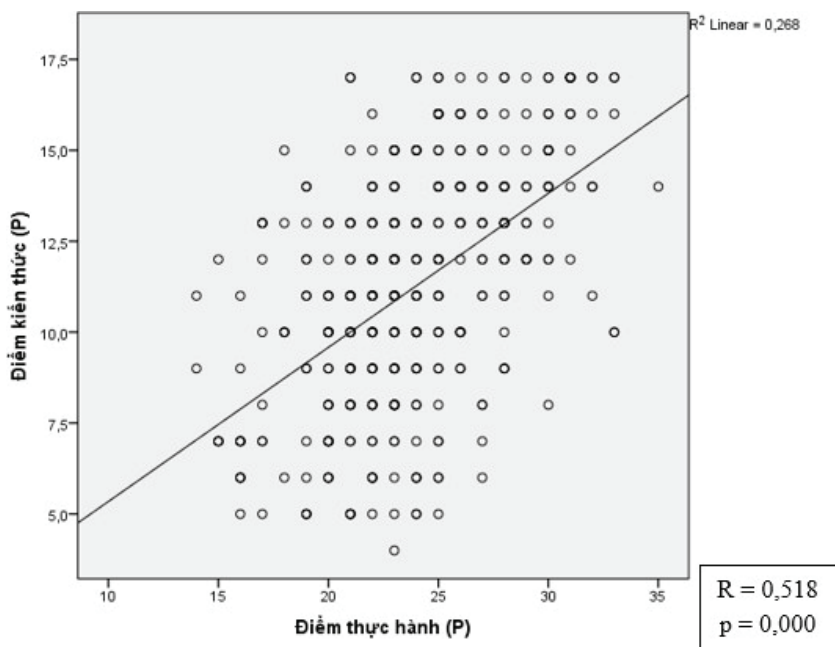
5. Kết quả phân tích mối tương quan giữa điểm số kiến thức, thái độ và thực hành về ATTP của người bán thủy sản tại các chợ ở tỉnh Nghệ An

Kết quả mối tương quan giữa điểm số kiến thức, thái độ và thực hành về ATTP của người bán thủy sản tại các chợ ở Nghệ An được thể hiện ở hình 2 và hình 3.

Kết quả phân tích tương quan cho thấy giữa điểm số kiến thức, thái độ và thực hành về



Hình 2. Mối tương quan giữa điểm số về kiến thức với điểm số về thái độ của người bán thủy sản tại các chợ ở tỉnh Nghệ An.



Hình 3. Mối tương quan giữa điểm số về kiến thức với điểm số về thực hành của người bán thủy sản tại các chợ ở tỉnh Nghệ An.

ATTP thủy sản của người bán thủy sản ở các chợ cá ở Nghệ An có tương quan có ý nghĩa thống kê ($p < 0,05$). Những người có điểm kiến thức cao sẽ có điểm thái độ và thực hành cao. Điều này khẳng định việc cung cấp kiến thức cho người bán thủy sản có vai trò quan trọng để họ nâng cao nhận thức, có thái độ tốt và thực hành đúng đảm bảo ATTP thủy sản.

Với phương pháp thực hiện khác nhau và đối tượng khác nhau nên việc so sánh kết quả thu được từ nghiên cứu này so với kết quả của các nghiên cứu khác là không thực hiện được và không ý nghĩa. Các thông tin về kiến thức, thái độ và thực hành về an toàn thực phẩm thủy sản của người tham gia cung ứng thủy sản sẽ là cơ sở để đề xuất các giải pháp và quản lý nguy cơ từ đó đảm bảo ATTP.

IV. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Kết quả nghiên cứu điều tra về kiến thức, thái độ và thực hành của người bán thủy sản tại các chợ ở Nghệ An cho thấy người bán thủy sản tại các chợ ở Nghệ An đa số đều là nữ (chiếm 89,1%), có thâm niên làm việc trên 5 năm (57,3%). Nguồn thông tin về ATTP được người bán thủy sản tiếp cận nhiều và hiệu quả

nhất là ti vi (52,1% và 52,6%). Trình độ văn hóa thấp, chủ yếu là trình độ tiểu học và trung học cơ sở (78,1%). 46,3% người bán thủy sản được phỏng vấn trả lời là hiểu nội dung các thông tin về ATTP, chủ yếu là ở những người bán thủy sản có tần suất nghe trên 3 lần/năm (chiếm 23,79%). Tỷ lệ người bán thủy sản có kiến thức, thái độ và thực hành ATTP đạt yêu cầu ($\geq 50\%$ điểm tối đa) lần lượt là 74,9%, 70,1% và 74,8% với điểm trung bình kiến thức, thái độ và thực hành ATTP thủy sản lần lượt là 10,9 trên 16 điểm tối đa; 15 điểm trên 30 điểm tối đa và 21,7 điểm trên 34 điểm tối đa. Trình độ học vấn càng thấp thì tỷ lệ người bán thủy sản đạt yêu cầu về kiến thức, thái độ và thực hành ATTP thủy sản càng thấp.

Để đảm bảo an toàn thực phẩm thủy sản thì các cơ quan chức năng cần tăng cường tần suất tuyên truyền ATTP thủy sản bằng tivi và đài phát thanh với các nội dung phù hợp với đối tượng, đặc biệt chú trọng vào nội dung tạo ý thức, thái độ đúng đắn về vấn đề ATTP, đồng thời cần tập trung tạo cho những người bán ở chợ cá có thái độ đúng đắn với vấn đề sức khỏe và vệ sinh cá nhân để tránh trở thành nguồn nhiễm cho thực phẩm.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Lê Văn Bào (2010). “Thực trạng kiến thức về vệ sinh an toàn thực phẩm của người sản xuất, chế biến thực phẩm tại Hải Phòng, Thừa Thiên - Huế, Quảng Ngãi và Vĩnh Long, năm 2009”, NXB Y học Việt Nam, tr. 43- 46.
2. Chi cục Quản lý Chất lượng Nông lâm Thủy sản tỉnh Bình Thuận (2010). “Tăng cường quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm đối với nguyên liệu thủy sản tại Bình Thuận”, Báo cáo tham luận tại Hội thảo nâng cao chất lượng nguyên liệu thủy sản khai thác.
3. Nguyễn Văn Cẩn, Phạm Đức Minh, Lưu Quốc Toàn (2023). “Kiến thức và thực hành về ATTP của người chế biến tại các bếp ăn tập thể các trường mầm non trên địa bàn thành phố Hà Tĩnh năm 2022 và một số yếu tố liên quan”. Tạp chí Y học Cộng đồng. 64 (5), tr21-31.
4. Trương Thị Thùy Dương, Lê Tiến Công (2019). “ Kiến thức, thực hành an toàn vệ sinh thực phẩm của người kinh doanh thức ăn đường phố ở một số huyện tại tỉnh Hà Giang năm 2019”. Tạp chí Y học dự phòng, tập 30, số 2, tr. 121-28
5. Trương Văn Dũng (2012). “Nghiên cứu kiến thức, thái độ, thực hành về an toàn vệ sinh thực phẩm của người tiêu dùng thực phẩm tại huyện Châu Thành”, Hội nghị Khoa học Kỹ thuật Y tế Công cộng Nghệ An, NXB Y học, Hà Nội.
6. Hà Thị Anh Đào (2001).” Nghiên cứu cải thiện tình trạng vệ sinh thực phẩm thông qua giáo dục kiến thức cho người làm dịch vụ thức ăn đường phố. Luận án Tiến sỹ Y học, tr. 87- 92.
7. Lê Văn Giang (2006). “Đánh giá tình hình thực hiện Vệ sinh an toàn thực phẩm tại các bếp ăn tập thể huyện Gia Lâm sau khi áp dụng các biện pháp can thiệp truyền thông”, Kỷ yếu hội nghị khoa học An toàn thực phẩm lần thứ 4- 2007, Nhà xuất bản Y học, tr 21-27
8. Nguyễn Thị Thu Giang, Lê Trí Khải, Hoàng Trí Trung, Lưu Quốc Toàn, Hoàng Minh Trí (2019). “Kiến thức, thái độ, thực hành về ATTP của kinh doanh thức ăn đường phố tại nội thành thành phố Kon Tum năm 2018”. Tạp chí kiểm nghiệm và An toàn thực phẩm. Tập 2, số 3, tr 23-2
9. Trịnh Bảo Ngọc, Lê Thị Hồng Ngọc, Nguyễn Thị Thu Liễu (2020). “Kiến thức, thực hành về vệ sinh an toàn thực phẩm của người chế biến thực phẩm tại bếp ăn trường mầm non huyện Nam Sách, Hải Dương năm 2019”. Tạp chí nghiên cứu Y học. 129 (5), tr 29-38
10. Trần Minh Hoàng (2014). “Kiến thức thực hành của người kinh doanh thức ăn đường phố trên thị xã bên Cát - Bình Dương năm 2014”. Hội nghị khoa học ATTP lần thứ VII - 2016, tạp chí DD&TP 12, số 6 (1), tr. 133 - 140.
11. Đào Văn Thắng, Trương Thị Thùy Dương (2022). “Thực trạng kiến thức, thực hành về ATTP của người chế biến và kinh doanh thức ăn đường phố tại phường Tân Thịnh, thành phố Thái Nguyên năm 2021”. Tạp chí Y học Việt Nam. 55 (2), tr 31-30.
12. Âu Văn Phương, Nguyễn Thị Hiệp (2013), “Kiến thức, thái độ và thực hành về VSATTP của người chế biến, kinh doanh thức ăn đường phố tại phường An Thạnh, thị xã Thuận An tỉnh Bình Dương năm 2013”, Tạp chí Y học thành phố Hồ Chí Minh, tập 18 phụ bản số 6/2014, tr. 41-50.

Tiếng Anh

13. Angelillo I.F., Foresta M.R., Scozzafava C., Pavia M. (2001). “Consumers and foodborne diseases: knowledge, attitudes and reported behavior in one region of Italy”, *International Journal of Food Microbiology*, 64(1-2), 161-166.

14. Ansari-Lari M., Sahar S., Leila L. (2012). “Knowledge, attitudes and practices of workers on food hygienic practices in seafood processing plants in Fars, Iran”, *Food control*, 21(3), pp. 260-263.
15. Bartlett J.E., Kotrlik J., Higgins C.C. (2001). “Organizational Research: Determining Appropriate Sample Size in Survey Research”. *Information Technology, Learning, and Performance Journal*, 19(1), pp. 8-13.
16. Chittaranjan A., Vikas M., Shahul A. and Samir K. P. (2020). “Designing and Conducting Knowledge, Attitude, and Practice Surveys in Psychiatry: Practical Guidance”. *Indian J Psychol Med.* 42(5): 478–481.
17. Diogo Th. da C., Jan M. S., Kayode K. E., Barbara A. M., Li B., Elke S. (2022). Knowledge, attitudes and practices model in food safety: Limitations and methodological suggestions. *Food Control*. Volume 141.
18. Murat B., Azmi S. E., (2006). “The evaluation of food hygiene knowledge, attitudes, and practices of food handler in food businesses in Turkey”, *Food Control*, 17(4), pp. 317-322.
19. Tareq M. O., Anas A. Al-N., Asma O. T. (2021). “Food Safety Knowledge, Attitudes, and Practices Among Jordan Universities Students During the COVID-19 Pandemic”. *Frontiers Public Health. Section Public Health and Nutrition*. Volume 9 - 2021
20. Walker E., and Jones N. (2004). “The good, the bad and ugly of butchers’ shops licensing in England - one local authority’s experience”. *British Food Journal*, 104(1), pp. 20-30.